

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công nhận tốt nghiệp hệ liên thông đại học  
Hình thức đào tạo: Chính quy**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh; Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng xét tốt nghiệp hệ đại học chính quy, liên thông chính quy đợt 3 - Năm 2025 ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho 10 sinh viên hệ liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học, hình thức đào tạo: Chính quy đợt 3 - Năm 2025 (Có phụ lục và Danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

**Điều 2.** Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Công tác – Học sinh sinh viên, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- ĐH Thái Nguyên (để b/c);
- BGH (để c/đ);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đinh Hồng Linh**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 1141/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 19 tháng 9 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

| Hạng tốt nghiệp       | Xuất sắc | Giỏi     | Khá      | Trung bình | Tổng số sinh viên tốt nghiệp |
|-----------------------|----------|----------|----------|------------|------------------------------|
| Ngành đào tạo         |          |          |          |            |                              |
| Kế toán               | 0        | 0        | 1        | 0          | 1                            |
| Quản trị kinh doanh   | 0        | 0        | 1        | 0          | 1                            |
| Tài chính - ngân hàng | 0        | 0        | 0        | 3          | 3                            |
| Luật kinh tế          | 0        | 0        | 4        | 1          | 5                            |
| <b>Tổng số</b>        | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>6</b> | <b>4</b>   | <b>10</b>                    |



DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 3 - NĂM 2025  
(Kèm theo Quyết định số: 1141 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

| STT | Mã số sinh viên  | Họ và tên         | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc     | Lớp                                  | Hệ đào tạo                          | Ngành đào tạo         | Chương trình đào tạo         | Số tín chỉ tích lũy | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10 | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4 | Xếp hạng tốt nghiệp | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------------|------------|-------------|-----------|-------------|--------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------------|---------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|---------|
| 1   | DTE18N3402010110 | Mai Công Trung    | 22/09/1991 | Thái Nguyên | Nam       | Tày         | K13 - TCNH - LT cao đẳng 12          | Liên thông từ cao đẳng lên đại học  | Tài chính - Ngân hàng | Tài chính - Ngân hàng        | 143                 | 6,45                                 | 2,27                                | Trung bình          |         |
| 2   | DTE18N3402010106 | Nguyễn Tiến Linh  | 18/07/1991 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh        | K13 - TCNH - LT cao đẳng 12          | Liên thông từ cao đẳng lên đại học  | Tài chính - Ngân hàng | Tài chính - Ngân hàng        | 127                 | 6,3                                  | 2,06                                | Trung bình          |         |
| 3   | DTE21N3402010017 | Phạm Thế Quân     | 20/04/1993 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh        | K16 - Tài chính Ngân hàng Liên thông | Liên thông từ cao đẳng lên đại học  | Tài chính - Ngân hàng | Tài chính - Ngân hàng        | 133                 | 6,51                                 | 2,29                                | Trung bình          |         |
| 4   | DTE22N3403010154 | Nông Thị Lệ       | 20/10/1992 | Cao Bằng    | Nữ        | Tày         | K16 -KTTH1-LTTC12                    | Liên thông từ trung cấp lên đại học | Kế toán               | Kế toán tổng hợp             | 127                 | 7,43                                 | 2,79                                | Khá                 |         |
| 5   | DTE20N3401010106 | Dương Quang Thành | 01/12/1990 | Cao Bằng    | Nam       | Tày         | K15 - QTKD - LT cao đẳng 12          | Liên thông từ cao đẳng lên đại học  | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh tổng hợp | 126                 | 6,82                                 | 2,53                                | Khá                 |         |
| 6   | DTE23N3801070125 | Trần Trường Giang | 05/04/1979 | Nam         | Tày       | Thái Nguyên | K18 - LKT3-LTCD12                    | Liên thông từ cao đẳng lên đại học  | Luật kinh tế          | Luật kinh tế                 | 125                 | 7,24                                 | 2,59                                | Khá                 |         |
| 7   | DTE23N3801070178 | Nguyễn Văn Duy    | 16/09/1983 | Nam         | Sán Diu   | Thái Nguyên | K18-LKT3-LTTC12                      | Liên thông từ trung cấp lên đại học | Luật kinh tế          | Luật kinh tế                 | 125                 | 7,57                                 | 2,98                                | Khá                 |         |
| 8   | DTE23N3801070179 | Đặng Đình Hiếu    | 26/12/1988 | Nam         | Kinh      | Thái Nguyên | K18-LKT3-LTTC12                      | Liên thông từ trung cấp lên đại học | Luật kinh tế          | Luật kinh tế                 | 125                 | 6,86                                 | 2,46                                | Trung bình          |         |
| 9   | DTE23N3801070181 | Ngô Văn Nguyên    | 19/12/2000 | Nam         | Kinh      | Thái Nguyên | K18-LKT3-LTTC12                      | Liên thông từ trung cấp lên đại học | Luật kinh tế          | Luật kinh tế                 | 125                 | 7,09                                 | 2,5                                 | Khá                 |         |
| 10  | DTE23N3801070187 | Nguyễn Xuân Vũ    | 04/01/1995 | Nam         | Kinh      | Thái Nguyên | K18-LKT3-LTTC12                      | Liên thông từ trung cấp lên đại học | Luật kinh tế          | Luật kinh tế                 | 125                 | 7,34                                 | 2,86                                | Khá                 |         |

Ấn định danh sách 10 sinh viên./.

